

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 05/4/2023

V/v : *Kiện đòi tài sản.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lương Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hà Ngọc Phương.

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

- Thư ký phiên tòa : Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 28/11/2022 về Kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 20/2/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DS ngày 09/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trọng C**; Địa chỉ: Số nhà 86, tổ 9, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị M**; Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La. Nơi công tác : Trường mầm non H xã T, huyện T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Bà **Đoàn Thị N**; Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La. Nơi công tác : Trường mầm non H xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị **Đào Thị Bích T**; Địa chỉ: Số nhà 86, tổ 9, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2022 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ông Nguyễn Trọng C (nguyên đơn) trình bày :

Ngày 18/5/2018 ông Nguyễn Trọng C cho chị Nguyễn Thị M vay số tiền 55.000.000 đồng. Thời hạn trả vay là 06 tháng sau (tức là tháng 11 năm 2018). Khi vay tiền thì hai bên có làm giấy vay tiền, chị Nguyễn Thị M đã tự viết giấy vay tiền có chữ

ký của các bên. Ông Nguyễn Trọng C đã đòi nợ rất nhiều lần yêu cầu chị Nguyễn Thị M trả nợ nhưng vẫn không thực hiện việc trả tiền. Ông Nguyễn Trọng C đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị M phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là số tiền 55.000.000 đồng, không tính lãi. Hình thức thanh toán một lần.

Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày như sau : Ngày 17/5/2018 chị có vay tiền của ông Nguyễn Trọng C số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ông C giữ thẻ ATM của chị để rút tiền theo tháng là 5.000.000 đồng/ tháng tính từ thời điểm vay đến tháng 12 năm 2019 chị đã thanh toán là 95.000.000 đồng và chị lấy thẻ ATM về. Còn khoản vay ngày 18/5/2018 chị không chấp nhận lý do là vì ngày 17/5/2018 chị có vay tiền của ông Nguyễn Trọng C số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 18/5/2018 chị hỏi vay thêm 5.000.000 đồng và chị Thu vợ ông C đồng ý cho chị vay thêm 5.000.000 đồng viết thành 55.000.000 đồng cắt lãi 4.000.000 đồng. Như vậy giấy vay nợ ngày 17/5/2018 và ngày 18/5/2018 là một. Chị yêu cầu Tòa thu hồi lại số tiền mà chị đã trả cho ông C do lãi cao và trả thừa theo quy định của pháp luật đảm bảo công bằng cho chị.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N trình bày như sau : Ngày 10/6/2020 chị Nguyễn Thị M có bàn giao tài khoản thẻ lương cho bà để rút tiền hộ trả cho ông Nguyễn Trọng C cụ thể như sau :

- Lần 01 : Ngày 20/7/2020 rút tiền đưa cho ông C số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 02 : Ngày 02/02/2021 rút tiền đưa cho ông C số tiền 37.000.000 đồng.
- Lần 3 : Ngày 01/12/2021 rút tiền đưa cho ông C số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà đã bàn giao là 52.000.000 đồng. Sau khi bà rút đưa cho ông C và người thân ông C thì bà đã trả lại thẻ lương cho chị M. Còn việc giữa anh C và chị M vay mượn như thế nào bà không biết và không liên quan.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Bích T trình bày : Chị M có khai trả tiền ông C thông qua tài khoản của chị. Tuy nhiên việc chị M trả chị không liên quan đến khoản nợ của ngày 18/5/2018. Vì vậy chị đề nghị Tòa án không công nhận việc chị M trả tiền khoản nợ ngày 18/5/2018 thông qua tài khoản của chị.

Ngày 04/01/2023 và ngày 09/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu chị M cung cấp chứng cứ, chứng minh về việc chị đã trả khoản nợ ngày 18/5/2018 số tiền 55.000.000 đồng cho anh C thông qua tài khoản của chị M và đồng nghiệp của chị M. Tuy nhiên chị M đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Ngày 06/01/2023 ông C cung cấp thêm cho Tòa án các tài liệu chứng cứ sau : 01 giấy cam kết bàn giao tài khoản thẻ lương để trả nợ đề ngày 10/6/2020 (bản gốc); 01 giấy vay tiền đề ngày 17/5/2018(bản gốc); 01 đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Ngày 09/3/2023 chị M làm đơn đề nghị yêu cầu chị Đào Thị Bích T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chị đã trả khoản nợ của ngày 18/5/2018 thông qua tài khoản chị T.

Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ ông C không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán : Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa : Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N, chị Đào Thị Bích T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Thị M : Chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N, chị Đào Thị Bích T : Bà N, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng C. Xử buộc chị Nguyễn Thị M phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là: 55.000.000 đồng cho ông Nguyễn Trọng C.

- Án phí : Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Trọng C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* *Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:*
Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án :* Ông Nguyễn Trọng C có đơn khởi kiện yêu cầu Chị Nguyễn Thị M phải trả số tiền vay nợ ngày 18/5/2018 vay số tiền 55.000.000 đồng. Thời hạn trả vay là 06 tháng sau là ngày 18/11/2018. Do đó, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay là ngày 19/11/2018 nên cần áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là 03 năm kể từ ngày 19/11/2018. Ngày 11/11/2022, nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng đã hết. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là đòi lại tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Thị M :* Chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- *Về sự vắng mặt của của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N, chị Đào Thị Bích T :* Bà N, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2].Về nội dung tranh chấp :

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại tờ giấy vay tiền do bị đơn chị Nguyễn Thị M đã viết và ký tên vào giấy vay tiền : Ngày 18/5/2018 vay số tiền 55.000.000 đồng. Thời hạn trả sau 06 tháng kể từ ngày vay.

Khi vay tiền thì giữa ông Nguyễn Trọng C và chị Nguyễn Thị M có làm giấy vay tiền có chữ ký của các bên. Nội dung của giấy vay tiền nêu trên phù hợp với nội dung tại bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị M thừa nhận ngày 18/5/2018 có làm giấy vay tiền, tự viết giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ vay ông Nguyễn Trọng C số tiền là 55.000.000 đồng là đúng như nguyên đơn khai. Các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn vay tài sản theo thỏa thuận(thời hạn trả 18/11/2018), tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị M phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, hình thức thanh toán một lần.

Tuy nhiên chị Nguyễn Thị M cho rằng, ngày 17/5/2018 chị có viết giấy vay tiền ông Nguyễn Trọng C số tiền là 50.000.000 đồng. Ngày 18/5/2018 chị vay thêm số tiền là 5.000.000 đồng. Như vậy giấy vay tiền ngày 17/5/2018 và giấy vay tiền ngày 18/5/2018 là một. Thực tế khoản vay và giấy vay tiền của ngày 17/5/2018 đã được cộng sang giấy vay ngày 18/5/2018. Chị yêu cầu Tòa thu hồi lại số tiền mà chị đã trả cho ông C do lãi cao và trả thừa theo quy định của pháp luật đảm bảo công bằng cho chị.

Hội đồng xét xử nhận định : Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp : Nguyên đơn cung cấp 01 giấy vay tiền đề ngày 18/5/2018. Ngoài ra cung cấp thêm 01 giấy cam kết bàn giao tài khoản thẻ lương để trả nợ đề ngày 10/6/2020, 01 giấy vay tiền đề ngày 17/5/2018 do C tay chị M viết ký cam kết vào giấy vay nợ nội dung thể hiện rõ trả khoản nợ của ngày 17/5/2018 phù hợp với bản tự khai của bà Đoàn Thị N. Việc chị M cho rằng đã trả khoản nợ ngày 18/5/2018 cho chị T (vợ ông C) thông qua tài khoản chị T, chị T không chấp nhận đây là khoản nợ chị M nợ anh C ngày 18/5/2018. Ngày 04/01/2023 và ngày 09/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu chị M cung cấp chứng cứ, chứng minh về việc chị đã trả khoản nợ ngày 18/5/2018 số tiền 55.000.000 đồng. Tuy nhiên hết thời hạn chị M đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị đã trả nợ khoản vay ngày 17/5/2018 và 18/5/2018 là một. Do đó việc chị M cho rằng chị đã trả thừa và lãi cao khoản nợ ngày 18/5/2018 cho ông C là không có căn cứ chấp nhận, ngoài lời khai của chị M không có chứng cứ chứng minh khác. Do bị đơn chị M không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm điều kiện thanh toán được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn vay tài sản theo thỏa thuận, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C là có căn cứ đúng pháp luật, cần được pháp luật bảo vệ. Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Trọng C buộc chị Nguyễn Thị M phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí : Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng C được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn chị Nguyễn Thị M là người có lỗi do vậy phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Ông Nguyễn Trọng C được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp vận dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo : Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng C. Xử buộc chị Nguyễn Thị M phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là: 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng) cho ông Nguyễn Trọng C.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí : Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Trọng C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số AA/2021/0002063 ngày 28/11/2022.

3. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải